

Bản án số: 69/2021/HS-ST
Ngày: 23/4/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Đức Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Thị Mỹ**

2. Bà **Chung Kim Sang**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Hồng Diễm** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Trần Nhật Quảng** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 90/2019/TLST-HS, ngày 04 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2019/QĐXXST-HS, ngày 08 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Phương Đ - sinh năm 1979; Nơi cư trú: tổ 4, khu phố Đông Q, thị trấn Thứ 3, huyện AB, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không có; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Minh Th và bà Nguyễn Xuân L; Có vợ tên là Lý Thị Mỹ L (đã ly hôn); Con có 01 người, sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không có; Ngày 15/6/2016, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Ngày 22/11/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố RG khởi tố, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh để điều tra nhưng sau đó bỏ trốn và bị truy nã; Đến ngày 24/02/2021 bị bắt và bị tạm giữ, ngày 28/02/2021 tiếp tục bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an thành phố RG; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại: Đào Minh B**, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: số 948, đường Ngô Q, phường AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Nguyễn Thị Ng – sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 65, đường Văn C, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Mai Thu T – sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 516, đường Ngô Q, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Bùi Phước Th – sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: L1 - căn 32, đường 3 Tháng 2, phường AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Nguyễn Trọng B – sinh năm 1963 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 113/20A, đường Lâm Thị H, phường Tân Chánh H, Q. 12, thành phố HCM.

Cao Thanh T – sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 458A, đường Lâm Quang K, phường VL, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

- **Người làm chứng: Phạm Tấn L** – sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: số 8, đường Phan Thị R, phường AH, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 22/6/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố RG ký Quyết định số: 26/QĐ-UBND về việc chi trả bồi thường thiệt hại đất đai, hoa màu, vật kiến trúc, hỗ trợ tái định cư cho ông Nguyễn Trọng B, theo đó ông B được xét tái định cư 02 xuất tại khu tái định cư đường Phan Thị R, phường AH, thành phố RG. Đến ngày 23/7/2012, ông B ủy quyền (bán lại) cho ông Phạm Tấn L 02 xuất tại khu tái định cư đường Phan Thị R và nhận số tiền 175.000.000 đồng từ ông L. Do không có nhu cầu sử dụng nên ông L nhờ Lê Phương Đ giới thiệu bán lại 02 xuất tái định cư trên, thời điểm đó Đ là cán bộ Công ty tư vấn xây dựng Kiên Giang và Đ đã giới thiệu bán 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R cho bà Nguyễn Thị Ng và bà Mai Thu T với giá là 220.000.000 đồng, có ký xác nhận của Ủy ban nhân dân phường AH vào ngày 03/9/2013 và ngày 26/11/2013, Đ lấy tiền môi giới từ ông L là 40.000.000 đồng. Do đã có ý định chiếm

đoạt tài sản từ trước nên tháng 4/2016, Đ hẹn gặp ông L tại quán cà phê thuộc khu đô thị PC, Đ nói dối đã lấy 02 xuất tái định cư khác giao cho bà Ng và bà T nên kêu ông L đưa toàn bộ giấy tờ liên quan đến 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R cho Đ bán lại, ông L tưởng thật nên giao cho Đ những giấy tờ này. Đến tháng 6/2016, Đ gặp anh Đào Minh B tại căn nhà số 1068/6, đường Nguyễn Trung Tr, phường AH, thành phố RG và đưa giấy ủy quyền từ ông B sang ông L đối với 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R, lúc này anh B tưởng Đ nói thật nên đồng ý mua quyền bốc thăm 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R với giá là 190.000.000 đồng nhưng anh B chỉ đưa trước cho Đ 170.000.000 đồng, Đ có ký biên nhận bán 02 xuất tái định cư trên cho anh B vào ngày 15/6/2016, Đ đã tiêu xài cá nhân hết số tiền nhận từ anh B. Sau đó, qua tìm hiểu, anh B phát hiện 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R trước đó là của ông L đã bán cho bà Ng và bà T hợp pháp. Ngày 14/5/2018, anh Đào Minh B làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố RG về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Phương Đ. Đến ngày 22/11/2018, Lê Phương Đ bị Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố RG khởi tố, ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú và Quyết định tạm hoãn xuất cảnh để điều tra nhưng sau đó Đ bỏ trốn nên cơ quan điều tra đã tiến hành truy nã. Đến ngày 24/02/2021, Đ bị bắt và bị tạm giữ, tạm giam cho đến nay (bút lục số: 38-43, 55).

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lê Phương Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đều thống nhất với diễn biến sự việc như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (một) biên nhận tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng) vào ngày 15/6/2016 của Lê Phương Đ, đã đưa vào hồ sơ vụ án (bút lục số: 42).

- 01 (một) giấy ủy quyền lập ngày 23/7/2012 thể hiện nội dung ông Nguyễn Trọng B ủy quyền cho ông Phạm Tấn L 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R, đã trao trả cho ông Phạm Tấn L.

- Tiền Việt Nam 20.000.000 đồng theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 15/5/2019 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang, do Lê Phương Đ tự nguyện giao nộp để bồi thường thiệt hại (đã nhập kho vật chứng theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 33/LNK-CSĐT, ngày 16/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố RG).

- *Tại bản kết luận giám định chữ viết số: 859/KL-KTHS, ngày 16/10/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kiên Giang kết luận như sau: Chữ viết có nội*

dung bắt đầu: “Tôi tên Phạm Tấn L, sinh năm 1955...”, kết thúc: “Nay tôi làm biên nhận này làm bằng chứng trước pháp luật”. Trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết của Lê Phương Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết ra (bút lục số: 70, 71).

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại gì đối với kết luận giám định nêu trên.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Trong quá trình điều tra, anh Đào Minh B yêu cầu bị cáo bồi thường tiền mua phiếu bốc thăm 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R theo giá thị trường là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Bị cáo không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh B, bị cáo chỉ chấp nhận bồi thường cho anh B số tiền 170.000.000 đồng (một trăm bảy mươi triệu đồng), hiện nay bị cáo đã nộp 20.000.000 đồng vào Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang để khắc phục một phần hậu quả cho anh B (bút lục số: 76). Tuy nhiên tại phiên tòa, anh B cho rằng ông B đã tiến hành bốc thăm đối với 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R, kết quả được 02 nền tái định cư A18-17 và A18-18, đường số 2, khu tái định cư Nam AH nên anh xác định hành vi của ông B đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh. Do đó, đối với vụ án hình sự này, anh không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, anh sẽ tiến hành khởi kiện trong vụ án dân sự đối với 02 xuất tái định cư này, nếu có thiệt hại xảy ra thì anh sẽ yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án dân sự.

- Tại bản cáo trạng số 101/CT-VKS, ngày 04 tháng 6 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lê Phương Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Phương Đ mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Do bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị hoàn trả lại cho bị cáo Tiền Việt Nam 20.000.000 đồng theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 15/5/2019 tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Kiên Giang.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Do bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố RG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và những chứng cứ xác định có tội:

Do đã có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước nên Lê Phương Đ yêu cầu ông Phạm Tấn L đưa giấy ủy quyền lập ngày 23/7/2012 mà ông Nguyễn Trọng B đã ủy quyền cho ông Phạm Tấn L 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R, phường AH, thành phố RG (vào ngày 03/9/2013 và ngày 26/11/2013 ông L đã bán 02 xuất tái định cư này cho bà Nguyễn Thị Ng và bà Mai Thu T). Đến ngày 15/6/2016, Đ dùng thủ đoạn gian dối bằng cách sử dụng giấy ủy quyền của ông Phạm Tấn L để làm biên nhận bán 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R (trong khi đó 02 xuất tái định cư trên không phải của Đ) cho anh Đào Minh B với số tiền 190.000.000 đồng, anh B đưa trước cho Đ số tiền 170.000.000 đồng. Sau đó anh B phát hiện 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R trước đó là của ông L đã bán cho bà Ng và bà T hợp pháp nên đến ngày 14/5/2018, anh B làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố RG về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Đ.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để Hội đồng xét xử kết luận bị cáo Lê Phương Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như truy tố của

Viện kiểm sát là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Đồng thời tại phiên tòa, bị cáo đề nghị rút lại đơn kêu oan khẩn cấp và tố giác tội phạm, không yêu cầu xem xét trong vụ án này.

[3] Xét ý kiến của anh Đào Minh B về việc cho rằng mình không phải là bị hại: nhận thấy trong vụ án này, bị cáo Đông đã nói dối anh B 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R là của mình và bán lại cho anh B với giá là 190.000.000 đồng, tin tưởng là thật nên anh B đồng ý mua và đưa trước cho bị cáo Đ số tiền 170.000.000 đồng, như vậy bị cáo Đ đã dùng thủ đoạn gian dối nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của anh B, cụ thể là số tiền nêu trên, do đó việc xác định anh B là bị hại trong vụ án là đúng theo quy định tại Điều 62 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[4] Xét về nhân thân, hành vi, động cơ, tính chất, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Cụ thể trong vụ án này, mặc dù đã môi giới cho ông L bán 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R cho bà Ng và bà T nhưng do có ý định chiếm đoạt tài sản từ trước nên bị cáo đã nói dối ông L là đã lấy 02 xuất tái định cư khác giao cho bà Ng và bà T nên kêu ông L đưa toàn bộ giấy tờ liên quan đến 02 xuất tái định cư đường Phan Thị R cho mình, khi có được giấy tờ liên quan đến 02 xuất tái định cư nêu trên thì bị cáo tiếp tục nói dối anh B 02 xuất tái định cư là của mình và bán lại cho anh B với giá là 190.000.000 đồng nhưng anh B chỉ đưa trước cho Đ số tiền 170.000.000 đồng, như vậy Đ đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của anh B với số tiền 170.000.000 đồng. Như chúng ta đã biết, quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân luôn được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, bất kỳ ai có hành vi xâm phạm trái phép đều bị xử lý nghiêm minh. Bị cáo đã lợi dụng sự mất cảnh giác của người khác để xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản một cách trái pháp luật, vì vậy, đứng trước phiên tòa hôm nay, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mình đã gây ra. do đó cần phải xử lý bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả trong việc phạm tội của bị cáo.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cụ thể bị cáo là người có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại, được bị hại đề

ngiht giảm nhẹ hình phạt, cha ruột của bị cáo tên Lê Minh Th là thương binh hạng ¾, ngoài ra trong quá trình công tác đoàn, bị cáo đã đạt được nhiều thành tích tốt. Nên cần thiết áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét hình phạt đối với bị cáo đúng quy định pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Lê Phương Đ** phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo **Lê Phương Đ** mức án **02 (hai) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (24/02/2021), không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, hoàn trả lại cho bị cáo Tiền Việt Nam 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

Theo Lệnh nhập kho vật chứng số: 33/LNK-CSĐT, ngày 16/5/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố RG và Quyết định chuyển vật chứng số: 79/QĐ-VKS ngày 04/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố RG.

- Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án này, nên không xem xét.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo Lê Phương Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/4/2021). Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là Nguyễn Thị Ng, Mai Thu T, Bùi Phước Th, Nguyễn Trọng B, Cao Thanh T vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được

tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- Công an TP. RG;
- Chi cục THADS TP. RG;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Đức Luân

